

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2017

BẢN TIN TUẦN
Dự báo nguồn nước, hạn hán khu vực Bắc Trung Bộ
(Tuần từ ngày 23-29/6/2017)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT, NGUỒN NƯỚC

1. Tình hình mưa

a) Tình hình mưa trong tuần từ 23-06-2017 đến ngày 29-06-2017

	Lượng mưa trung bình trong tuần (mm)	Tổng lượng mưa cùng thời kỳ tại một số trạm điển hình				Dự báo lượng mưa từ ngày		
		Trạm	TBNN	2015	2016	23/06/2017	đến ngày	29-06-2017
Thanh Hóa	45.9	Thanh Hóa	48.5	40.8	35.7	có mưa nhỏ		4.6
Tĩnh Gia		Tĩnh Gia	41.1	72.6	19.9	có mưa nhỏ		0.8
Như Xuân		Như Xuân	48.2	45.8	16.0	có mưa nhỏ		3.2
Bái Thượng		Bái Thượng	58.5	36.5	5.5	có mưa rải rác, lượng mưa:		13.2
Hồi Xuân		Hồi Xuân	57.6	47.0	49.5	có mưa rải rác, lượng mưa:		53.6
Yên Định		Yên Định	48.5	40.8	35.7	có mưa nhỏ		7.1
Vinh	45.2	Vinh	29.2	73.1	9.3	có mưa nhỏ		2.8
Đô Lương		Đô Lương	40.1	57.8	0.1	có mưa nhỏ		4.5
Nam Đàn		Nam Đàn	39.8	59.9	4.0	có mưa nhỏ		4.4
Tương Dương		Tương Dương	40.1	22.7	33.2	có mưa, lượng mưa:		48.9
Hương Sơn	29.0	Hương Sơn	32.3	54.1	18.9	có mưa nhỏ		9.0
Hà Tĩnh		Hà Tĩnh	29.7	62.4	27.7	có mưa nhỏ		0.6
Kỳ Anh		Kỳ Anh	19.7	0.0	99.0	không mưa		
Ba Đồn	22.1	Ba Đồn	22.9	60.9	99.2	không mưa		
Tuyên Hóa		Tuyên Hóa	30.0	38.8	96.9	không mưa		
Đồng Hới		Đồng Hới	19.2	44.7	108.8	không mưa		
Lệ Thủy		Lệ Thủy	24.6	86.6	55.0	có mưa nhỏ		1.0
Đông Hà	41.0	Đông Hà	25.1	47.3	87.2	có mưa nhỏ		2.5
Gia Vông		Gia Vông	26.7	35.0	28.0	có mưa nhỏ		1.8
Khe Sanh		Khe Sanh	59.5	70.8	119.4	có mưa nhỏ		3.1
Thạch Hãn		Thạch Hãn	22.5	10.0	27.0	có mưa nhỏ		3.1
A Lưới	37.2	A Lưới	39.9	11.9	81.6	có mưa to với lượng mưa:		134.3
Huế		Huế	28.6	5.9	39.5	có mưa rải rác, lượng mưa:		17.5
Nam Đông		Nam Đông	48.1	4.4	99.7	có mưa to với lượng mưa:		120.8
	38.7							

b) Tổng hợp mưa từ tháng I/2017 đến nay

Tỉnh/thành phố	Trạm đại diện	Lượng mưa tổng cộng trung bình (mm) (từ tháng 1/2017 đến nay)	So sánh với cùng kỳ (%)		
			Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015
Thanh Hóa	Thanh Hóa	534	-12.7	-56.7	-36.9
	Tĩnh Gia	456	-4.3	-58.7	-10.9
	Như Xuân	614	-25.2	-81.7	-40.9
	Bái Thượng	521	+ 30.3	+ 3.5	-25.8
	Hồi Xuân	561	+ 9	-74.9	+ 0.7
	Yên Định	415	+ 12.3	-44.3	-18.8
Nghệ An	Vinh	416	+ 8.3	+ 16.4	-37.7
	Đô Lương	600	-18.8	-11.1	-51.0
	Nam Đàn	254	+ 78	+ 73.9	-50.4
	Tương Dương	411	+ 31.9	-13.5	-19.5
Hà Tĩnh	Hương Sơn	904	-33.3	-55.1	-46.6
	Hà Tĩnh	546	+ 10.4	+ 90	-7.2
	Kỳ Anh	817	-31.2	-27.2	-40.6
Quảng Bình	Ba Đồn	616	-40.3	-33.3	-29.6
	Tuyên Hóa	731	-35.4	-35.0	-36.3
	Đồng Hới	473	-17.1	-6.3	-27.6
	Lệ Thủy	321	+ 28.3	+ 62.8	-70.7
Quảng Trị	Đông Hà	403	-3.2	-64.5	+ 5.5
	Gia Vông	212	+ 131.4	-48.6	-12.3
	Khe Sanh	711	-31.7	-78.9	-35.1
	Thạch Hãn	132	+ 263.6	-56.8	-14.4
Thừa Thiên - Huế	A Lưới	1273	-38.1	+ 11.9	-41.3
	Huế	824	-37.4	-34.3	-42.6
	Nam Đông	1041	-29.3	-34.3	-28.8

2. Tình hình nguồn nước

a) Nguồn nước trữ tại hồ chứa thủy lợi

Tỉnh/thành phố	Tỷ lệ trữ so với dung tích thiết kế (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo W trữ cuối vụ Hè Thu (%)	Dung tích trữ và so với thiết kế một số hồ chứa vừa và lớn (triệu m ³ ; %)
		Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015		
Thanh Hóa	57,93%		28,27%	42,34%	41,06%	Bến Mây (118,17 tr m ³ ; 59%); Yên Mỹ (31,04 tr m ³ ; 51%); Hao Hao (6,69 tr m ³ ; 64%); Đồng Ngư (2,7 tr m ³ ; 33%); Bình Công (2,08 tr m ³ ; 59%); Duồng Cốc (6,13 tr m ³ ; 82%)

Tỉnh/thành phố	Tỷ lệ trữ so với dung tích thiết kế (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo W trữ cuối vụ Hè Thu (%)	Dung tích trữ và so với thiết kế một số hồ chứa vừa và lớn (triệu m ³ ; %)
		Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015		
Nghệ An	61.38%		+70.96%	+27.63%	78.61%	Vực Mầu (41.57 tr m ³ ; 56.09%), Vệ Vùng (14.19 tr m ³ ; 77.26%), Khe Đá (9.35 tr m ³ ; 56.35%)
Hà Tĩnh	76.0%		+26.01%	+28.25%	64%	Kê Gỗ (241.45 triệu m ³ ; 75%); Sông Rác (80.3 triệu m ³ ; 74%)
Quảng Bình	71.69%	-	+43.5%	+72.9%	44.74%	Hồ Rào Đá (29.45 tr m ³ ; 35.80%)
Quảng Trị	68.53%		27.21%	77.15%	42.64%	Hồ Trúc Kinh (27.32 tr m ³ ; 70.1%); Hồ Kinh Môn (14.97 tr m ³ ; 68.7%), Hồ Tân Kim (3.45 tr m ³ ; 55.9%)
TT.Huế	88.2%		23.5%		18.4%	Tả Trạch (214,19 triệu m ³ ; 51%), Truồi (55.57 triệu m ³ ; 101%)
Trung bình	70.62%					

Ghi chú:

- Tỉnh Thanh Hóa: Có 9/33 hồ không đủ nước phục vụ sản xuất (hồ Đồng Múc, Tây Trác, Vũng Sứ, Bằng Lợi, Đồng Phú, Trưa Vần, Quèn Kim, Hàm Rồng và Trung Toạ).
 - Tỉnh Hà Tĩnh: Có 1/15 hồ không đủ nước phục vụ sản xuất (hồ Khe Hao)
 - Tỉnh Nghệ An: Dự báo không có hồ nào bị hạn;
 - Tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị các hồ đủ nước phục vụ sản xuất;
 - Tỉnh TT-Huế: Có 1/14 tổng số hồ không đủ nước phục vụ sản xuất (hồ Phú Bài 2);
- b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Hồ chứa	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Lưu lượng nước về (m ³ /s)	Lưu lượng bổ sung cho hạ du phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh (m ³ /s)
		Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015		
Cửa Đạt (Thanh Hóa)	349.80		6,13%	-7,14%	117,6	57
Bản Vẽ (Nghệ An)	288.6		-12.76%	625.13%	53.66	142
Rào Quán (Quảng Trị)					6.11	10.8
Tả Trạch (Huế)	214.19		91%	77%	48.45	20.6
Trung bình						

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH HẠN HÁN, THIẾU NƯỚC

1. Thống kê ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước

TT	Tỉnh/Thành phố	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1	Thanh Hóa	208947	133842	75105	-	-	-	155,23	-
2	Nghệ An	96200	87000	9200	-	-	-	-	-
3	Hà Tĩnh	85369	57962	27407	-	-	-	25,0	-
4	Quảng Bình	84140	53606	30514	-	-	-	-	-
5	Quảng Trị	53276.8	25568	27708.8	-	-	-	-	-
6	TT. Huế	42996	27933	15063	-	-	-	22,32	-
	Cộng	544850.8	349996	194854.8					

Ghi chú: - Tổng diện tích hạn hiện tại bao gồm....ha lúa,ha cây trồng cạn
- Các địa phương không thống kê trong bảng chưa có diện tích bị ảnh hưởng

2. Dự báo tình hình hạn hán, thiếu nước tuần tới

(Nhận xét chung tình hình, mức độ rủi ro có thể xuất hiện).

Nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN, chuẩn sai nhiệt độ dao động trong khoảng từ -0.5 đến 0.5 độ C so với TBNN cùng thời kỳ.

Lượng mưa từ Thanh Hóa đến đầu Nghệ An, Lượng mưa phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN. Có một số nơi dự báo không có mưa như Kỳ Anh của Hà Tĩnh, và một số huyện thị của Quảng Bình như Ba Đồn, Tuyên Hoá, Đồng Hới dự báo là không có mưa.

Lượng mưa tích lũy từ đầu năm vùng đồng bằng ven biển từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 10% đến 260%; Nhưng khu vực miền núi tổng lượng mưa tích lũy từ đầu năm đến tháng VI/2017 lại cao hơn khoảng từ 5 đến 40% so với giá trị TBNN cùng thời kỳ.

Theo tính toán dự báo trên khu vực hầu hết các hồ chứa vẫn tích được nước, đảm bảo cấp nước cho vụ Hè Thu. Tuy nhiên một số lưu vực sông vẫn có một vài công trình trữ được ít nước, sẽ gây khó khăn trong việc sử dụng nước vụ Hè Thu.

Vùng sông Mã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa các hồ chứa có dung tích trữ từ 27%-97% so với dung tích thiết kế. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% so với thiết kế gồm: Kim giao II 31%, Đồng Ngư 33%, Xuân Lũng 27%, Đồng Múc 38%, Tây Trác (47%), Vùng Sứ (37%), Bằng Lợi (47%), Trưa Vần (46%) và Thung Bằng (40%). Nếu như nắng nếu nắng nóng kéo dài, không có mưa thì một số hồ như: Tây Trác, Đồng Múc, Vũng Sứ, Bằng Lợi, Đồng Phú, Trưa Vần, Quên Kìm, Hàm Rồng, Trung Toạ cuối tháng 7, giữa tháng 8 có khả năng sẽ bị hạn.

- Vùng sông Cả trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đều đang có dung tích trữ hơn 70% so với dung tích thiết kế. Duy nhất hồ Khe Hao chỉ trữ được 29% và có nguy cơ hạn hán trong thời gian tới với khả năng chỉ đáp ứng tưới được cho 90% diện tích canh tác vụ Hè Thu. Dự báo tuần tới các hồ trên địa bàn tỉnh Nghệ An không thiếu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Vùng sông Nhật Lệ tỉnh Quảng Bình có hồ Rào Đá hiện đang trữ được ít nước, chỉ đạt 35.80% so với thiết kế. Nguyên nhân là do hồ đang bị xung yếu, để đảm bảo an toàn công trình phải giảm lượng trữ nước so với thiết kế.

Tỉnh Quảng Trị: Tổng dung tích các hồ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện chỉ đạt 68.53% so với dung tích thiết kế. Trong đó có một số hồ hiện mực nước thấp như hồ Ái Tử chỉ đạt 57.4%, hồ Nghĩa Hy chỉ đạt 57.2%, hồ Đá Mài đạt 59.1%, hồ Tân Kim đạt 51.4%, hồ Trúc Kinh đạt 64.5%, hồ Kinh Môn đạt 61.6% so với thiết kế. Các hồ còn lại đều đạt trên 70% so với thiết kế.

Lưu vực sông Hương tỉnh Thừa Thiên Huế dự báo cuối vụ Hè Thu, duy nhất hồ Phú Bài 2 nguồn nước đảm bảo được 96% tức 595.68ha so với nhiệm vụ tưới công trình là 618 ha.

Đây là giai đoạn đầu của vụ Hè Thu nên các hồ cũng chưa bị căng thẳng về nước tưới và chủ động trong kế hoạch dùng nước, tích nước để phục vụ cho vụ Hè Thu.

Giải pháp cần thực hiện

Giải pháp cụ thể, quan trọng cần thực hiện theo từng thời điểm.

- Tận dụng tối đa nguồn nước và công trình tưới tự chảy, giảm thời gian bơm của các trạm bơm. Thực hiện phương châm tưới tiết kiệm, điều hành công trình tưới hợp lý, khai thác mọi nguồn nước để đáp ứng yêu cầu tưới vụ Hè Thu 2017.

- Thực hiện phân đợt tưới và tổ chức tưới luân phiên cho các kênh cấp dưới, kiểm tra, thường xuyên nạo vét, sửa chữa chống mất nước, thẩm lậu, sạt lở mái kênh gây lãng phí nguồn nước.

- Chủ động phối hợp với các địa phương và chi nhánh điện để ưu tiên đủ nguồn điện, chất lượng phục vụ khi có nhu cầu.

III. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH PHÒNG, CHỐNG HẠN HÁN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành
2. Tổng cục Thủy lợi
3. Tỉnh

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 02/06 tuần sau./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL (để đăng tin);
- Lưu VT.

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI